

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN QUỲNH PHỤ
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 40/2024/HNGĐ-ST

Ngày 21/6/2024

“V/v: Tranh chấp hôn nhân gia đình”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUỲNH PHỤ, TỈNH THÁI BÌNH**

*** Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Ông Hoàng Văn Thành.**

- Các Hội thẩm nhân dân: 1. **Ông Nguyễn Gia Khải**

2. **Bà Phạm Thị Loan**

*** Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Thu** – Thư ký Tòa án.

Trong ngày 21 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 70/2024/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 4 năm 2024, về việc: “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 35/2024/TLST-HNGĐ, ngày 27 tháng 5 năm 2024, giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn: Anh Bùi Ngọc C**, sinh năm 1987

*** Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Ánh N**, sinh năm 1987

Đều có địa chỉ: Thôn L, xã C, huyện Q, tỉnh Thái Bình.

(Tại phiên tòa có mặt anh C, chị N).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Tại đơn khởi kiện ngày 15/4/2024, bản tự khai ngày 15/4/2024, biên bản hòa các ngày 15/4/2024, 27/5/2024 và tại phiên tòa anh Bùi Ngọc C nguyên đơn trình bày:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Anh và chị Nguyễn Thị Ánh N kết hôn ngày 10/11/2013 do tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Q (nay là xã C), huyện Q, tỉnh Thái Bình. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống giữa chị N và gia đình anh nên vợ chồng thường xuyên xảy ra xô xát, không tìm được tiếng nói chung. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, anh xin ly hôn chị Nguyễn Thị Ánh N.

- *Về con chung:* Anh và chị N có 02 con chung là Bùi Thị Minh N1, sinh ngày 31/7/2014 và Bùi Minh T, sinh ngày 14/12/2018. Ly hôn anh có nguyện

vọng nuôi con Bùi Minh T và nhường quyền nuôi con Bùi Thị Minh N1 cho chị N nuôi dưỡng và anh không yêu cầu chị N phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con.

Chứng minh điều kiện nuôi con: Hiện tại các con đang ở cùng anh và gia đình anh và công việc anh đang làm tại công ty xây lắp mỏ tại Quảng Ninh. Một tháng làm khoảng 22 ngày, mỗi tháng thu nhập khoảng 20.000.000 đồng trường hợp anh được quyền nuôi con anh sẽ thu xếp công việc hợp lý để chăm nom con được đầy đủ. Về chỗ ở: hiện anh đang ở cùng với bố mẹ đẻ tại xã Châu Sơn, huyện Quỳnh Phụ.

- *Về tài sản và nợ*: Anh không đề nghị Tòa án giải quyết.

2. Tại bản tự khai ngày 15/4/2024, Biên bản hòa giải các ngày 15/4/2024, 27/5/2024 và tại phiên tòa chị Nguyễn Thị Ánh N bị đơn trình bày:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Chị và anh Bùi Ngọc C kết hôn ngày 10/11/2013 do tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Q (nay là xã C), huyện Q, tỉnh Thái Bình. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung. Gia đình nhà chồng nhu nhược để con gái về dẫn đến xảy ra mâu thuẫn trầm trọng. Mâu thuẫn trầm trọng vợ chồng chị sống ly thân từ tháng 10/2023. Nay anh C xin ly hôn, chị đồng ý.

- *Về con chung*: Chị và anh C có 02 con chung là Bùi Thị Minh N1, sinh ngày 31/7/2014 và Bùi Minh T, sinh ngày 14/12/2018. Ly hôn chị có nguyện vọng nuôi cả 02 con chung và không yêu cầu anh C phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con.

Chứng minh điều kiện nuôi con: Chị cũng xác định hiện tại các con đang ở tại nhà anh C, về công việc chị đang làm công nhân tại công ty TNHH NamDong Việt Nam tại cụm công nghiệp Quỳnh Côi, xã Quỳnh Mỹ, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình. Mỗi tháng thu nhập khoảng từ 9.000.000 đồng đến 11.000.000 đồng. Hiện nay chị đang thuê nhà trọ tại xã Quỳnh Mỹ, huyện Quỳnh Phụ.

- *Về tài sản và nợ*: Chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi xem xét toàn bộ các tài liệu chứng cứ và ý kiến của các đương sự tại các lời khai, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Về thẩm quyền: Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung giữa anh C, chị N là tranh chấp hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền của Tòa án. Bị đơn có hộ khẩu thường trú tại huyện Quỳnh Phụ, quá trình giải quyết vụ án các đương sự không

yêu cầu giải quyết về tài sản mà chỉ giải quyết về quan hệ hôn nhân và con chung, vì vậy căn cứ vào các Điều 28; 35; 39 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án nhân huyện Quỳnh Phụ giải quyết là đúng thẩm quyền.

- Các tài liệu, chứng cứ đều do các đương sự giao nộp, Tòa án không tiến hành thu thập chứng cứ nên căn cứ vào Điều 21 Bộ luật Tố tụng dân sự Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ không tham gia phiên tòa là đúng quy định.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh C và chị N kết hôn ngày 10/11/2013 do tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Q (nay là xã C), huyện Q, tỉnh Thái Bình. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống giữa chị N và gia đình anh nên vợ chồng thường xuyên xảy ra xô xát, không tìm được tiếng nói chung. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, anh xin ly hôn chị Nguyễn Thị Ánh N.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành hòa giải nhiều lần phân tích, khuyên giải để anh C, chị N bỏ qua mâu thuẫn để vợ chồng đoàn tụ nuôi dạy con chung, làm ăn phát triển kinh tế. Tuy nhiên, anh C vẫn cương quyết xin ly hôn, chị N cũng đồng ý. Vì vậy, HĐXX xác định tình cảm vợ chồng giữa anh C, chị N không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, tình trạng hôn nhân đã trầm trọng nên cần chấp nhận yêu cầu của anh C, xử cho anh C được ly hôn với chị N là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Anh C và chị N có 02 con chung là Bùi Thị Minh N1, sinh ngày 31/7/2014 và Bùi Minh T, sinh ngày 14/12/2018. Ly hôn chị N có nguyện vọng được trực tiếp nuôi cả 02 con chung và anh C có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con chung Bùi Minh T và nhường quyền nuôi con chung Bùi Thị Minh N1 cho chị N trực tiếp nuôi. Hai bên không yêu cầu bên nào phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

Hội đồng xét xử nhận thấy: Nguyên vọng của chị N và anh C đều chính đáng, tuy nhiên về điều kiện nuôi con của anh C và chị N là như nhau và bố mẹ đều phải có trách nhiệm nghĩa vụ trong việc nuôi dạy con chung. Hiện tại các con chung đang ở cùng với anh C. Hiện anh C đang làm công nhân tại công ty than mức thu nhập hàng tháng là 20.000.000 đồng, chị N đang làm công nhân mức thu nhập hàng tháng là 11.000.000 đồng. Hiện tại anh C đang ở cùng bố mẹ đẻ và các con chung cũng đang học tập tại xã Châu Sơn, chị N hiện đang thuê nhà ở trọ. Vì vậy, xác định về điều kiện nuôi con của anh C, chị N là như nhau và để chia sẻ gánh nặng trong cuộc sống cũng như trách nhiệm của bố mẹ đối với con chung và đảm bảo quyền lợi chính đáng cho con chung cần giao anh C được trực tiếp nuôi con chung Bùi Minh T, chị N trực tiếp nuôi con chung Bùi

Thị Minh N1 cũng phù hợp với nguyện vọng của con chung Bùi Thị Minh N1 và phù hợp với quy định của pháp luật.

[4] Về tài sản và nợ: Anh C và chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về án phí: Anh Bùi Ngọc C phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

[6] Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 21 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 và 116 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Bùi Ngọc C được ly hôn chị Nguyễn Thị Ánh N.

2. Về con chung: Xử giao cho anh Bùi Ngọc C trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung Bùi Minh T, sinh ngày 14/12/2018; giao cho chị Nguyễn Thị Ánh N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung Bùi Thị Minh N1, sinh ngày 31/7/2014. Hai bên không yêu cầu bên nào phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

Việc thay đổi người nuôi con và mức cấp dưỡng được đặt ra khi một trong các bên có đơn yêu cầu. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản và nợ: Anh C và chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Về án phí: Anh Bùi Ngọc C phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Chuyển số tiền 300.000 đồng, anh C đã nộp tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0004688 ngày 15/4/2024 thành tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

Quyền kháng cáo: Anh Bùi Ngọc C và chị Nguyễn Thị Ánh N có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (21/6/2024).

Nơi nhận:

- VKSND huyện Quỳnh Phụ;
- Các đương sự;
- UBND xã C;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Hoàng Văn Thành

